

- C. Các ngày trong tuần trừ ngày nghỉ
- D. 24/7 trừ ngày lễ, ngày nghỉ

Câu 4: Bạn có thể dùng Internet Banking để:

- A. Thanh toán mua hàng hoá trong nước
- B. Mua bán hàng hoá trên sàn thương mại quốc tế
- C. Thanh toán hàng hoá ở trong nước và nước ngoài
- D. Thanh toán mua hàng tại nước ngoài

Câu 5: Bạn không thể sử dụng Internet Banking để chuyển tiền 24/7 tới đâu?

- A. Tài khoản cùng ngân hàng
- B. Tài khoản mở tại chi nhánh ngân hàng thương mại Việt Nam tại nước ngoài
- C. Tài khoản mở tại các ngân hàng thương mại tại Việt Nam
- D. Tài khoản mở tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam

Câu 6: Có thể thực hiện thanh toán tiền điện, tiền nước, học phí, viện phí qua...

- A. Chỉ Mobile Money
- B. Chỉ Mobile Banking
- C. Internet Banking và Mobile Banking
- D. Phương án A và B

Câu 7: Khi thực hiện chuyển tiền nhanh 24/7 (với các giao dịch có giá trị từ 2 triệu đồng trở xuống):

- A. Đa số các ngân hàng miễn phí
- B. Luôn mất phí
- C. Miễn phí vào dịp Lễ, Tết
- D. Miễn phí nếu khách hàng gặp khó khăn

Câu 8: Khi thanh toán mua vé máy bay qua Internet Banking, bạn sẽ:

- A. Được miễn phí
- B. Phải trả phí cho hãng hàng không
- C. Phải trả phí giao dịch cho ngân hàng
- D. B và C

Câu 9: Dịch vụ Internet Banking có thể sử dụng trên thiết bị nào?

- A. Máy tính và thiết bị điện tử thông minh kết nối Internet
- B. Chỉ điện thoại nào có kết nối Internet
- C. Chỉ máy tính bảng có kết nối Internet
- D. Tất cả các phương án trên

Câu 10: Khi bị khóa tài khoản Internet Banking, bạn cần:

- A. Liên hệ với công an khu vực
- B. Liên hệ với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- C. Đến quầy giao dịch của ngân hàng mở tài khoản
- D. Liên hệ với Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam (Napas)

Câu 11: Bạn thường được miễn phí khi thanh toán dịch vụ công qua:

- A. Chỉ ứng dụng Mobile Banking
- B. Chỉ dịch vụ Internet Banking
- C. Chỉ Ví điện tử
- D. Ứng dụng Mobile Banking, dịch vụ Internet Banking

Câu 12: Bạn có thể thanh toán tiền điện thoại trả trước và trả sau qua Internet banking với mức phí:

- A. Thường được miễn phí
- B. 2% tổng hóa đơn
- C. Tối thiểu 3.000đ/giao dịch
- D. 11.000đ/tháng

Câu 13: Bạn có thể thay đổi hạn mức chuyển tiền qua Internet Banking bao nhiêu lần mỗi ngày?

- A. Một
- B. Nhiều tùy theo quy định của ngân hàng
- C. Hai
- D. Ba

Câu 14: Phải trả phí bao nhiêu cho dịch vụ trích nợ tự động từ tài khoản thanh toán để trả tiền điện mỗi tháng?

- A. Thường được miễn phí
- B. 11.000đ mỗi tháng
- C. Chỉ 1% giá trị trên hóa đơn
- D. Mức phí do từng ngân hàng quy định

1.4. Về mobile banking

Câu 1: Khi bị khóa tài khoản trên ứng dụng Mobile Banking, bạn cần tới đâu để mở khóa tài khoản (yêu cầu cấp lại tài khoản)?

- A. Công ty Cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam
- B. Sở giao dịch của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- C. Chi nhánh, phòng giao dịch của ngân hàng mở tài khoản
- D. Công an phường nơi cư trú

Câu 2: Khi thanh toán bằng mã VietQR, bạn cần làm gì? (Trường quay)

- A. Quét mã VietQR và nhập số tài khoản của người nhận, số tiền cần chuyển
- B. Quét mã VietQR và nhập số tài khoản của người nhận, tên chủ tài khoản

C. Quét mã VietQR và nhập số tài khoản của người nhận

D. Chỉ cần quét mã VietQR của người nhận, có thể nhập hoặc không nhập số tiền

Câu 3: Thông thường, khi thanh toán hóa đơn tiền điện, nước, internet... qua Mobile Banking, bạn sẽ:

A. Phải trả phí giao dịch cho ngân hàng

B. Được miễn phí

C. Phải trả phí theo quy định riêng của bên cung cấp dịch vụ

D. A và C

Câu 4: Bạn có thể chuyển tiền, thanh toán bằng mã VietQR cho:

A. Tài khoản mở tại các ngân hàng Việt Nam ở trong và ngoài nước

B. Tài khoản mở tại các ngân hàng thành viên ở Việt Nam

C. Tài khoản mở tại ngân hàng Việt Nam ở nước ngoài

D. Cả 3 phương án trên

Câu 5: Bạn có thể theo dõi biến động số dư tài khoản miễn phí qua:

A. Dịch vụ Internet Banking của ngân hàng mở tài khoản

B. Ứng dụng Mobile Banking của ngân hàng mở tài khoản

C. Dịch vụ SMS Banking

D. A và B

Câu 6: Khi thanh toán hóa đơn bằng quét mã QR, bạn sẽ:

A. Thường được miễn phí

B. Được miễn phí 3 hóa đơn/tháng

C. Phải trả phí 1% trên tổng số tiền

D. Được miễn phí nếu có chương trình khuyến mại

Câu 7: Khi sử dụng Mobile Banking, bạn nên:

A. Đặt mật khẩu không trùng với các thông tin để đoán

B. Cung cấp mã OTP cho nhân viên ngân hàng khi được yêu cầu

C. Đặt mật khẩu giống số điện thoại hoặc ngày sinh cho khỏi quên

D. A và B

Câu 8: Điều kiện đăng ký dịch vụ Mobile Banking là:

A. Có tài khoản thanh toán tại ngân hàng, điện thoại thông minh kết nối internet

B. Giấy tờ chứng minh thu nhập

C. Số tiền tối thiểu trong tài khoản là 2 triệu đồng

D. Cả 3 phương án trên

Câu 9: Loại tiền tệ có thể được dùng để giao dịch trên Mobile Banking là:

A. VND và USD

B. VND, USD và EUR

C. VND và EUR

D. Chỉ VND

Câu 10: Thông thường, hai lớp bảo mật để thanh toán trên Mobile banking là gì?

A. Mật khẩu đăng nhập mobile banking và mã OTP/mã xác thực giao dịch

B. Tên và mật khẩu đăng nhập mobile banking

C. Tên đăng nhập mobile banking và mã OTP

D. Mật khẩu thiết bị di động và mã OTP

Câu 11: Bạn có thể dùng ứng dụng Mobile Banking để:

A. Chuyển khoản, thanh toán hoá đơn điện, nước, mua vé tàu xe, vé máy bay

B. Mua bán ngoại tệ

C. Thanh toán mua hàng trên các trang thương mại điện tử trong nước và quốc tế

D. Tất cả các phương án trên

1.5. Về mobile money

Câu 1: Tiền trong tài khoản Mobile Money gắn với SIM phải ... với tài khoản viễn thông

A. tách biệt

B. gắn liền

C. giống

D. khác

Câu 2: Một trong những điểm khác biệt giữa dịch vụ Mobile Money và ví điện tử là dịch vụ Mobile Money không yêu cầu khách hàng phải có ...

A. tài khoản ngân hàng

B. số tiết kiệm

C. căn cước công dân

D. số hộ khẩu

Câu 3: Bạn sử dụng Mobile Money để làm gì?

A. chuyển tiền, thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ hợp pháp tại Việt Nam

B. chuyển tiền đến thuê bao khác nhà mạng

C. có thể thanh toán hàng hóa, dịch vụ xuyên biên giới

D. Tất cả các phương án trên

Câu 4: Muốn sử dụng dịch vụ Mobile – Money, bạn cần:

A. Bắt buộc có điện thoại thông minh kết nối Internet

B. Bắt buộc phải có tài khoản ngân hàng

C. Chỉ cần có điện thoại đăng ký thuê bao theo quy định